

**CÔNG TY CỔ PHẦN AVIACO - THƯƠNG MẠI VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AVIACO - THƯƠNG MẠI VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AVIACO - AVIATION TRADING AND DISTRIBUTION SERVICES JOIN STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AVIACO JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108526990

3. Ngày thành lập: 27/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 163 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. Môi giới bán hàng hóa.	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
4.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7.	Xuất bản phần mềm	5820
8.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
9.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
10.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
11.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán hàng miễn thuế tại sân bay, nhà ga, ... (trừ hoạt động đấu giá)	4799(Chính)
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
22.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
23.	Lập trình máy vi tính	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác. - Dịch vụ thiết kế đô thị; - Hoạt động trang trí nội thất	7410
28.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
29.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
32.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
33.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
34.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
36.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
37.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
38.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ vận tải bằng xe lam, xe lôi, xe máy, xe xích lô, xe công nông và xe thô sơ khác)	4933
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

42.	Bốc xếp hàng hóa	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
49.	Cổng thông tin	6312
50.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
52.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
55.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
56.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
60.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
61.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
62.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
63.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
64.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
65.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
67.	Bán buôn đồ uống	4633
68.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
69.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
70.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
71.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
72.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
73.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
74.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

75.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
76.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
78.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
79.	Bán buôn thực phẩm	4632
80.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Quảng cáo	7310
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
85.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
86.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
87.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
88.	Dịch vụ đóng gói	8292
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (điều 28 luật thương mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Số 25 Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	011815229	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		

2	TRẦN THỊ BÍCH LAN	Số 19, Đường Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	0116301686 8	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
3	BÙI MINH KHÁNH	Thôn Thanh Xá, Xã Nghĩa Hiệp, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	50,000	C6292150	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI LIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001074011789

Ngày cấp: 26/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 31, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 31, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội